

SỰ THẬT VỀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC ĐÔNG DƯƠNG LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP

GERARD SASGES*

PHẦN 1: CẢI CÁCH TÀI CHÍNH (1)

Paul Doumer làm Toàn quyền Đông Dương từ năm 1897 đến 1902. Trong 5 năm nhiệm sở, ông ta đã thi hành những cuộc cải cách hành chính và tài khóa, tạo cơ sở cho sự phát triển cơ sở hạ tầng và kinh tế sau đó của Đông Dương. Có thể ông ta được nhớ đến như một trong số những anh hùng của chủ nghĩa thực dân được tín ngưỡng đa thần của nước Pháp thờ phụng (trong *Hồi ký* của mình, Charles de Gaulle đã biểu lộ lòng biết ơn đến “những vị thống đốc có tâm cơ như Bugeaud, Faidherbe, Brazza, Doumer, Gallieni, Sarraut, Lyautey”) (2) hoặc giả Doumer được nhớ đến như người phát minh ra các thứ thuế và độc quyền để làm cho người nông dân Việt Nam hoặc bản cùng khổ hoặc trở thành tội phạm, thì cũng chẳng ai tranh cãi thêm về việc những cơ cấu tài khóa và hành chính ông ta tạo ra ở Đông Dương căn bản đã giữ nguyên mãi cho đến năm 1945.

Tuy nhiên, trong khi những nhà bình luận có thể khác nhau trong cách đánh giá những thành tựu của Doumer, họ đều xây nên những kết luận của mình căn bản dựa trên việc tiếp nhận một cách thiếu tính phê phán những tài liệu được chính Doumer công bố. *Thứ nhất*, Doumer đã tạo ra một

ngân sách trung ương đồng nhất cho thuộc địa dựa trên nguồn doanh thu thu được từ ba loại mặt hàng độc quyền, chấm dứt sự phụ thuộc của thuộc địa vào trợ cấp của mẫu quốc và cho phép nó thu hút vốn đầu tư cần thiết để xây dựng cơ sở hạ tầng. *Thứ hai*, ông ta xây dựng một sự thống nhất hành chính trên các khu vực khác biệt nhau của Đông Dương bằng cách tăng cường vai trò toàn quyền và lập ra các cơ quan ban ngành quản lý các công trình công cộng trên khắp thuộc địa,... Song, nếu Doumer đã thực sự thi hành những cải cách tài khóa và hành chính quan trọng thì ý nghĩa của chúng cũng không như những gì ông ta công bố. Nghiên cứu này sẽ đưa ra giả thuyết rằng những cải cách tài khóa của Doumer phần lớn là những trò xảo thuật, và doanh thu từ những mặt hàng độc quyền đã được phóng đại lên để tạo được ấn tượng về khả năng giải nợ, điều cần thiết để huy động nguồn vốn vay từ thị trường tài chính nước Pháp. Đi xa hơn, chúng tôi sẽ chứng minh rằng ý nghĩa của những cải cách hành chính của Doumer phần lớn nằm trong việc tạo ra một Phòng thuế và Hải quan chịu trách nhiệm về việc quản lý cơ chế độc quyền. Cơ quan này chính là phương tiện quan trọng nhất của toàn quyền nhằm thiết lập sự kiểm soát lên

* TS. Chương trình EAP

các cấp dưới quyền ở các tỉnh và địa phương, và dựa vào nó mà bộ máy chính quyền giám sát và khép người nông dân Việt Nam vào kỷ cương (3).

Doumer và Cải cách tài khóa

Khó mà nói quá lên về tầm quan trọng của những cải cách được Doumer đưa ra. Bằng việc thiết lập một ngân sách hợp nhất cho toàn bộ thuộc địa Đông Dương và đặt nó trên cơ sở nguồn doanh thu mới - tạm gọi là thuế tiêu dùng- Doumer đã tạo ra nền tảng cho một chính quyền trung ương hùng mạnh và đồng thời thiết lập khả năng giải nợ cần thiết để bảo đảm việc cung cấp tài chính cho những dự án quốc gia quy mô lớn. Tuy nhiên, trong khi tầm quan trọng của chúng không thể phủ nhận được, bản chất thực nằm sau những cải cách đó vẫn còn bị che đậy bởi những nhà bình luận sau này, bao gồm cả phe đồng tình và chống đối dự án của Doumer sẵn lòng chấp nhận sự miêu tả về ba mặt hàng độc quyền: á phiện, rượu và muối - là ba "thân trâu ngựa" (bêtes de somme) cho ngân sách Đông Dương.

Nghiên cứu này sẽ sử dụng những số liệu có trong những bản báo cáo của các đoàn thanh tra Pháp để tìm hiểu về chức năng của chế độ rượu ở Đông Dương nói chung, và Bắc Kỳ nói riêng. Nghiên cứu sẽ cho thấy doanh thu thực từ chế độ rượu thấp hơn những gì được các nhà chức trách công bố. Sự thật là, chức năng cơ bản của chế độ rượu không phải là sinh ra doanh thu thực mà là sản sinh ra số doanh thu gộp cao nhằm thổi phồng tổng thu nhập của ngân sách trung ương. Những con số cao giả tạo của ngân sách trung ương, đến lượt chúng, lại cho phép chính quyền duy trì được lòng tin của các nhà đầu tư với những mức vốn vay cần thiết cho các dự án

về cơ sở hạ tầng của Doumer, những mức vốn mà nếu không nhờ vào các con số giả tạo này sẽ là những con số lớn một cách phi thực tế. Tuy nhiên, nếu nền tảng cải cách của Doumer phần lớn chỉ là những trò quỷ thuật, về mặt nào đó, chúng tỏ ra có những tác dụng rõ ràng một mặt đến lợi nhuận của các doanh nghiệp Pháp và mặt khác là tác động đến dân chúng Việt Nam.

Theo như Doumer nói: "trách nhiệm đầu tiên đặt ra nhất thiết phải có tổ chức về tài chính và tài khóa ở Đông Dương" (4). Tiến trình thi hành những cải cách tài khóa của Doumer có thể mang lại một vài manh mối để hiểu những tính toán của ông ta. Việc làm đầu tiên của Doumer là thành lập một Phòng Thuế và Hải quan (Département des Douanes et Régies) vào ngày 6 tháng 10 năm 1897. Sau đó là ngân sách trung ương vào ngày 31 tháng 6 năm 1898. Cuối cùng, Đạo luật ngày 25 tháng 12 năm 1898 uỷ quyền cho Chính quyền trung ương phát hành các vốn vay tổng cộng là 200 tỷ franc (Fr) cho việc xây dựng đường sắt. Do đó, Phòng thuế vừa được cải cách sẽ sử dụng ba mặt hàng độc quyền để cung cấp thu nhập cho ngân sách Trung ương mới; Ngân sách này, đến lượt nó, lại giúp gây dựng lòng tin cần thiết ở các nhà đầu tư nhằm đạt được thành công trong phát hành trái phiếu. Trong nỗ lực năm 1902 đã mang lại cho ông ta danh tiếng là một nhà cải cách tài năng, Doumer đã phác thảo ra tầm nhìn về tài chính trong vùng thuộc địa mới tái tổ chức.

Bằng cách đặt ngân sách trung ương trên nền tảng là hệ thống đánh thuế gián tiếp, Doumer tuyên bố tìm ra một nguồn doanh thu không chỉ sẽ thoả mãn một cách linh động các điều kiện kinh tế đang biến chuyển mà còn không hề gây khó khăn cho người đóng thuế. Theo như Doumer thì

Bảng 1: Ngân sách trung ương, 1899-1902 (piastres - \$) (5)

	1899 (\$)	1900 (\$)	1901 (\$)	1902 (\$)
Doanh thu từ hải quan	7.006.000	5.800.000	5.940.000	6.250.000
Doanh thu từ thuế môn bài	10.094.000	13.500.000	15.060.000	17.600.000
Doanh thu từ các nguồn khác	520.000	1.503.000	1.998.000	3.292.000
Tổng doanh thu	17.620.000	20.803.000	22.998.000	27.142.000
Chi phí Phòng thuế và hải quan	3.271.000	4.050.000	3.891.000	4.870.000
Chi phí các công trình công cộng	3.490.000	3.386.000	3.866.000	4.444.000
Các chi phí khác	1.432.250	1.520.262	1.312.177	1.224.000
Chi chi cho việc trả nợ	0	2.615.739	3.482.823	4.737.000
Tổng chi phí	17.617.000	20.796.000	22.982.000	20.626.000
Số dư	2500	7000	16.000	6.516.000

bằng cách đánh thuế á phiện, rượu và muối, nhà nước có thể đạt được gần như gấp đôi thu nhập trong vòng bốn năm mà hoàn toàn không đe dọa đến sự tăng trưởng kinh tế hay gây ra sự náo động nào trong dân chúng. “Vi vậy đó là một cuộc cách mạng xảy ra trong những truyền thống xã hội và tập quán tài chính của các nước này. Chúng ta đã đạt được tiến bộ nhanh không ngờ. Ta không cần đánh mà vẫn thắng” (6). Đối với Doumer, hệ thống tài khóa mới ở Đông Dương không chỉ được dựa trên một mức đánh thuế cao hơn một cách triệt để mà còn dựa vào cách thức thu thuế. “Hiện tại được bảo đảm, trên hết là nhờ vào

grandes régies á phiện, rượu và muối” (7). Những số liệu mà nhà nước chuẩn bị cho bộ vào năm 1908 cho thấy ba régies hợp lại chỉ mang lại không bằng một nửa tổng doanh thu của ngân sách trung ương.

Doumer đưa luận điểm của ông ta ra một cách hùng hồn đến mức cho dù có thật hay không thì khái niệm các régies là cứu cánh cho ngân sách trung ương cũng đã trở thành một phần trong những gì chúng ta hiểu về Đông Dương. Mười bốn năm sau, một nghị sĩ Pháp viết: “người ta có thể không nói quá rằng toàn bộ công trình Đông Dương, [một công trình] mang ý nghĩa to lớn, là dựa riêng vào thu nhập từ

Bảng 2: Doanh thu từ ba régies theo phần trăm của tổng doanh thu (8)

Năm	Tổng doanh thu (ngân sách trung ương)	Á phiện (%)	Muối (%)	Rượu (%)	Tổng cộng (%)
1900	21.688.928\$32	21,5	9,25	13,9	44,65
1901	23.953.929\$54	26,4	9,3	13,6	49,3
1902	28.110.517\$95	24,3	6,64	11,6	42,54
1903	29.823.527\$77	25,6	8,72	11,7	46,02
1904	30.908.362.\$33	25,1	9,07	13,7	47,87
1905	28.718.712\$73	24,3	10,7	14,1	49,10
1906	27.176.437\$10	24,4	10,2	11,6	47,20
1907	33.245.227\$63	22,8	9,6	13,9	46,30

những régies này [á phiện, rượu và muối]" (9). Thậm chí gần đây một nhà phê bình kết luận rằng chính sách độc quyền rượu là "không thể tránh khỏi để đạt được cân bằng cho ngân sách" (10).

Thật ra thì những số liệu của Doumer và những hiểu biết sau đó của chúng ta về Đông Dương là sai sự thật. Theo quan điểm thực tế, rất ít người có hiểu biết về kinh tế hay thuế quan mà tin vào bước ngoặt từ những con số thâm hụt thời trước Doumer thành những số dư vào năm 1902. Thứ hai, doanh thu dự tính có được từ régies chỉ đơn giản là doanh số dự tính nhân với tỉ suất đánh thuế pháp luật đưa ra. Đây là một sự hiểu lầm cố ý cách thức hoạt động của régie rượu và muối, vì doanh thu không dựa trên tỉ suất đánh thuế mà là trên mức chênh lệch giữa những mức giá luôn dao động mà nhà nước mua sản phẩm và mức giá nhà nước bán lại cho các nhà phân phối. Ví dụ như: năm 1924, Chủ tịch của Phòng thuế và Hải quan thừa nhận "mãi cho đến ngày nay ở Bắc Kỳ và Nord-Annam (Bắc Trung Kỳ), Régie chưa bao giờ thu được mức thực thu là \$30 cho mỗi hecto-lít rượu nguyên chất" (11) Hơn nữa, đây là một con số cộng gộp, chưa trừ ra những chi phí régie sinh ra trong công tác quản lý độc quyền. Thời gian trôi qua, ngay cả nhà nước cũng phải thay đổi số liệu. Trong bản số liệu thống kê chính thức xuất bản năm 1930 tóm tắt ngân sách trung ương từ năm 1898 đến 1929, doanh thu năm 1902 từ ba régies chỉ có 8 710 121\$72, nói cách khác, chỉ hơn một nửa những gì Doumer và người nhiệm chức ngay sau đó công bố. Tuy nhiên, ngay cả con số thấp hơn này cũng đã phóng đại hơn mức doanh thu thực từ régies nói chung và chế độ rượu nói riêng.

Những cố gắng hiệu quả nhất có được trong việc tính doanh thu thực từ régie rượu được thực hiện bởi những đoàn thanh tra Pháp. Đoàn Thanh tra các thuộc địa được ra đời từ sắc lệnh ngày 12-11-1886. Được lấy mẫu khởi đầu từ Cơ quan thanh tra Hàng hải, Đoàn thanh tra có được thể thức cuối cùng vào năm 1889 cùng với sự ra đời của một Bộ Thuộc địa độc lập. Từ ngày đó trở đi, những thanh tra thường dân có trách nhiệm thẩm tra tất cả các mặt của công tác quản lý thực dân ở các thuộc địa và ngay trong bộ. Được phép bỏ qua các nhà quản lý khu vực mà chỉ báo cáo trực tiếp lên bộ, các thanh tra này có quyền lực to lớn để kiểm tra và quản lý. Công tác điều tra của họ ở những nơi đó, ít nhất trên lý thuyết, được đặc trưng bởi tính độc lập hoàn toàn, tính công bằng vô tư, và quyền tiếp cận thông tin. Do nhu cầu của tình thế, bộ bổ nhiệm Cơ quan thanh tra kinh lý để điều tra về các công việc thuộc địa cụ thể. Sau khi việc điều tra được tiến hành xong, cả người đứng đầu cơ quan bị điều tra lẫn viên chức chịu trách nhiệm quản lý cao nhất tại thuộc địa đó phải viết lời giải trình cho những nội dung trong báo cáo trước khi nó được trình lên Bộ. Riêng trong trường hợp Đông Dương, nơi Toàn quyền cai trị ngoài tầm kiểm soát của bộ, các đoàn thanh tra càng có ý nghĩa quan trọng đối với bộ để có một cái nhìn rõ ràng hơn về những tình hình trong thuộc địa và nhờ đó có thể kiểm soát ở một mức độ nào đó những viên chức cấp dưới (12). Phòng Thuế và Hải quan, nguồn cung cấp thu nhập thuế chính yếu ở Đông Dương, hiển nhiên là tâm điểm chú ý thường xuyên của bộ. Ít ra phải có đến 9 phái đoàn được giao nhiệm vụ điều tra về các mặt của phòng này, và những phái đoàn đó đã cung cấp dữ liệu quan trọng về chức năng của cơ chế độc quyền rượu.

Những cuộc điều tra đầu tiên đều tỏ ra lạc quan. Tuy nhiên, ngay khi những ký kết năm 1903 và 1905 mang đến cho SFDIC một vị trí bất khả xâm phạm trong thuộc địa, các đoàn thanh tra có thể có được một bức tranh thực hơn về chức năng của chế độ rượu. Sự thật là các quan chức địa phương đã cố gắng hết mức có thể để che giấu chức năng thực sự của hệ thống, ví dụ như: họ từ chối công bố những con số thống kê chính thức cho ba chế độ rượu khác nhau được thực thi ở Đông Dương mà thay vào đó lại đưa ra những con số chung. Mặc dù vậy, các thanh tra viên đã cố gắng hết sức tính ra cái giá thực sự của các chế độ bằng cách phân nhỏ thành những mục như đóng chai, vận chuyển, trả dần các vốn vay, và tiền lương để những mục này có thể được suy ra từ con số tổng thuế được thổi phồng lên trong ngân sách trung ương. Hai phái đoàn, một là đoàn Phérvong vào năm 1913 và sau đó là Le Conte vào năm 1930, là hai trường hợp đặc biệt thú vị vì họ đã có những nỗ lực tính ra doanh thu thuần thực tế của cơ chế (13).

Lần đầu tiên ngành công nghiệp chưng cất được đề cập là trong một bản báo cáo của một Đoàn thanh tra kinh lý Đông Dương vào năm 1894. Tổng thanh tra Espeut đề cập về rượu như là một trong những ngành công nghiệp bản địa quan trọng nhất. Ông ta không nói gì đến hệ thống giấy đăng ký vốn đã tồn tại hay đến các kế hoạch tăng thuế của nhà nước, hoặc là sự tồn tại của những xưởng chưng cất thuộc quyền sở hữu của người châu Âu (14). Lần tiếp theo rượu được nhắc đến là vào năm 1898, sau khi luật ban hành những quy định mới về sản xuất và phân phối làm tăng gấp đôi giá mua rượu ở bản xứ và gây nên sự phân phối kinh tế không hợp lý trên quy mô lớn khi những nhà

chưng cất rượu bản xứ là đối tượng đầu tiên bị đánh thuế, sau đó bị tập trung vào những nhà máy do người châu Âu làm chủ, và rồi bị thay thế hoàn toàn bởi những nhà máy của SFDIC và SDT (15). Cách nói của thanh tra Salles biểu lộ một thái độ do dự trong việc ủng hộ hệ thống này: "Nói chung thì, dường như, theo những thông tin mà tôi có được về vấn đề này, có khả năng là dân chúng chịu được giá rượu hiện hành; [họ đang] hạn chế tiêu thụ [rượu] và đã thôi dùng nó để thờ cúng tổ tiên hay trong các dịp lễ hội nghi thức, [mà thay vào đó họ] dùng trà hay thậm chí nước lã và cáo lỗi rằng sự thiếu tôn trọng tổ tiên đó chung quy lại là do sự hiện diện của người Pháp trên đất nước" (16). Sự tán thành duy nhất dành cho cơ chế, lúc bấy giờ đang tiến đến gần thể thức độc quyền cuối cùng, là từ Tổng thanh tra Picquié vào năm 1900 và sau ông ta là Thanh tra Arnaud vào năm 1902. Picquié thận trọng tránh dùng từ độc quyền mà thay vào đó lặp lại những từ của Doumer trong những phát ngôn của ông này - những quá trình không thể tránh khỏi: hiện đại hóa, công nghiệp hóa, tập trung hóa, và lẽ dĩ nhiên, tăng doanh thu thuế. Theo ý ông ta, régie đang đảm nhiệm tốt chức năng của nó và nói chung thì nông dân Việt Nam chấp nhận hệ thống đó (17). Liên tưởng đến cái cách mà Picquié làm việc gần gũi với A.R. Fontaine vào năm 1905 mà nói thì có vẻ như những kết luận của Picquié là không được khách quan cho lắm. Báo cáo tháng 5-1902 của Thanh tra Arnaud được quy định chịu trách nhiệm chuyên biệt điều tra chế độ rượu, cũng mang tính khả quan tương tự. Theo Arnaud, chế độ đang vận hành một cách trơn tru và sản lượng chia đều một cách công bằng giữa những nhà chưng cất rượu bản xứ và người Pháp. Ông ta không đả

động gì đến những cơ sở cất rượu của SFDIC hay SDT - vào thời gian đó thực ra đã thiết lập xong độc quyền sản xuất và chỉ đang đợi pháp chế phê chuẩn thành luật. Trong một bản báo cáo mà chỉ cần một điều tra sơ lược cũng có thể vạch rõ sai lầm, Arnaud viết: “một đề án đã được vạch ra, không nhằm mục đích đưa ra những cách tổ chức mới, mà hệ thống và cơ động pháp chế đang tồn tại vào một bản văn đơn nhất” (18). Sự thiên vị lạ lùng của hai viên thanh tra này có lẽ được giải thích tốt nhất bằng những món lời béo bở ở Đông Dương đã chặn đứng bất cứ sự can thiệp nào của bộ cho đến khi điều luật, những thoả thuận và ký kết năm 1903 và 1905 mang lại cho họ những vị trí bất khả xâm phạm.

Sau năm 1905, các đoàn thanh tra bắt đầu vẽ những bức tranh thực hơn về chức năng của chế độ rượu. Vào năm 1908, đoàn thanh tra của Marice Méray đã khảo sát phòng thuế, và đặc biệt là chế độ rượu (19). Trước năm 1908, SFDIC đã thiết lập xong một cơ chế độc quyền sản xuất rất hiệu quả ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ và xúc tiến mở rộng vào Trung Kỳ. Méray đã khảo sát quá trình SFDIC mở rộng sự độc quyền của mình và những tác động của nó đến việc tiêu thụ rượu, và qua đó, tác động đến thu nhập. Méray cho hay cho đến trước 1906, có 11 trên 17 cơ sở cất rượu thuộc về “Công ty kỹ nghệ và thương mại Trung Kỳ” (“Société industrielle et commerciale de l’Annam”). Tổ chức này được SFDIC và UCI lập ra vào năm 1907 nhằm mua lại các xưởng chưng cất rượu sẵn có ở An Nam (20). Không có gì đáng ngạc nhiên, Fontaine có một ghế trong ban giám đốc. Cho đến trước năm 1906, luật pháp Đông Dương vẫn cấm việc buôn bán rượu nội địa giữa ba khu vực khác nhau là Nam Kỳ, Trung Kỳ, và Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ. Tuy nhiên, Quyết

định ngày 19 tháng 4 năm 1906 lại cho phép các hãng chưng cất rượu Trung Kỳ được thay thế 1/5 rượu bản xứ bằng rượu nhập khẩu từ các vùng khác. Méray ghi chép lại với một thái độ ngạc nhiên với sự thật là thực ra luật này đã được manh nha từ trước với một bản hợp đồng vào ngày 26 tháng 3 giữa Hội công nghiệp và SFDIC về việc mua rượu sản xuất tại Bắc Kỳ. Kết quả đến tức thì từ sự xâm nhập của rượu SFDIC vào thị trường Trung Kỳ: mức tiêu thụ hàng năm trong 5 năm trước thường ổn định quanh mức 1.450000 lít nay giảm hơn 15% còn 1.147183 vào năm 1907. Giảm 15% trong doanh thu thuế và tăng chi phí cho việc chống hàng giả, khó mà nhận thấy là luật pháp được chính quyền quan tâm theo kiểu nào. Phân tích tiêu dùng ở Nam Kỳ sau khi SFDIC nắm quyền thống lĩnh thị trường vào năm 1905, Méray tìm thấy một chi tiết còn sắc nét hơn: doanh số trung bình hàng tháng vào năm 1904 là 357.243 lít; năm 1905 là 124.304 lít. Mặc dầu mức bán ra chỉ tăng không quá 250.000 lít vào những năm 1906 và 1907, mức tiêu thụ vẫn giữ nguyên mức thấp hơn 30% những con số của các năm trước đó. Theo cách nói của Méray, “đây là [chúng cố cho] lời buộc tội xác thực dành cho của hệ thống... Trong thực tế, việc thành lập ở Bắc Kỳ những cơ chế độc quyền sản xuất và kinh doanh, theo cách nhìn tài khóa, không giúp đạt được những mục tiêu của nhà cầm quyền. Các kết quả thu được [về mặt tài khoá], nếu không tốt hơn thì ít nhất cũng bằng với kết quả thu được dưới cơ chế thị trường tự do” (21).

Vào năm 1913, Tổng thanh tra Phérivong được chỉ định kiểm tra sổ sách Phòng Thuế và Hải quan. Một thành viên trong đoàn, cấp dưới của Phérivong, thanh tra Berrué đã tiến hành một cuộc điều tra

tỉ mỉ về độc quyền rượu ở Bắc Kỳ và Bắc An Nam vốn đã hoạt động từ năm 1903. Nhận ra doanh số đã tăng lên kể từ khi chấm dứt độc quyền buôn bán của Compagnie Générale và xây dựng hệ thống các nhà phân phối bán lẻ khu vực vào năm 1910, Berrué dựa các số liệu của mình trên những con số sẵn có cho công chúng vào những năm 1911 và 1912. Mục đích của ông ta là nắm bắt căn bản hai điểm: doanh thu thực có được từ régie và sự phân phối doanh thu đó theo giá rượu bán lẻ.

Từ những số liệu này, Berrué đã tính rằng rượu là nguồn tạo ra nguồn thu gộp trung bình là 0,657\$ mỗi lít tượu nguyên chất [(tổng doanh số) chia cho (số nhập vào ngân sách + số trả cho Fontaine)]. Trong con số 0,657\$ này, Fontaine nhận được 0,349\$ và Régie nhận được 0,308\$. Sau đó, Berrué tiếp tục tính số phần trăm của thu nhập sẽ đến tay các nhà buôn sỉ, những người đã lãnh trách nhiệm phân phối các sản phẩm của Régie.

Dựa trên những doanh số phác thảo của các loại rượu khác nhau, Berrué tính rằng giá bình quân cho người tiêu thụ là 0,81\$.

Trong số này, 0,349\$ vào túi Fontaine, 0,308\$ cho Régie và 0,153\$ cho các nhà buôn bán sỉ ở các cấp khác nhau. Phériverong tiếp tục tính trong con số 0,308\$ mà nhà nước công bố thu được từ mỗi lít rượu nguyên chất, phần nào thật sự được đưa vào ngân sách trung ương, sau khi khấu trừ các khoản chi phí. Theo các bản báo cáo cuối năm 1911 và 1912, tổng chi phí cho Régie rượu trong hai năm này là 5.136103\$. Từ đó, Berrué khấu trừ chi phí hoàn lại các container được chuyển giao và cộng thêm các chi phí phụ, cuối cùng thu được kết quả là 4.552.903\$ (22). Bước cuối cùng là tính tỷ lệ phần trăm của chi phí phát sinh trong khi thi hành cơ chế độc quyền so với tổng chi phí. Trong một phép tính nháp sơ qua, với chi phí hoạt động của độc quyền rượu chắc chắn đã bị xác định thấp hơn thực tế, Berrué lấy tổng chi phí của Phòng thuế trong suốt hai năm chia cho tổng doanh thu từ tất cả các nguồn và có được tỉ lệ 12%, hay nói cách khác chi phí hoạt động là 0,12\$ cho mỗi 1\$ thu vào. Áp dụng tỉ lệ này vào tổng doanh thu của độc quyền rượu, ông ta tính rằng phần chi phí hoạt động của độc quyền rượu trong tổng

Bảng 3: Doanh số hàng năm, số thu chi

Năm	Bán ra (rượu nguyên chất)	Đưa vào ngân sách	Trả cho Fontaine
1911	5.308.624,1	3.477.564\$	2.358.925\$
1912	6.796.374,1	4.492.553\$	2.871.178\$

Bảng 4: Giá mua và giá bán do nhà nước chỉ định

Loại rượu	Giá mua từ FDIC	Giá bán buôn	Giá bán cho công chúng
Rượu thường (số lượng lớn)	0,33\$	0,59\$	0,725\$
Rượu thường (theo chai)	0,33\$	0,63\$	0,80\$
Rượu mùi	0,38\$	0,75\$	0,90\$
Rượu thuốc	0,38\$	0,74\$	0,93\$

chi phí hoạt động của Phòng thuế trong hai năm là 956400\$ (23). Sau khi trừ những chi phí trên khỏi tổng thu nhập, Berrué kết luận rằng doanh thu thuần trung bình hàng năm thu được từ độc quyền rượu ở Bắc Kỳ- Bắc Trung Kỳ là vào khoảng 1.100000\$ (24). Phân tích con số thu được từ mỗi lít rượu bán cho người tiêu dùng ở mức giá 0,81\$, ta có:

+ Phần cho Fontaine 0,349\$ (43%)

+ Phần cho các trung gian (Régie và debitants) 0,290\$ (36%).

+ Phần cho ngân khố 0,171\$ (21%).

Sau khi trình bày giả thuyết rằng doanh thu thuần hàng năm của régie Bắc Kỳ- Bắc Trung Kỳ chỉ bằng 28% con số tổng mà nhà nước công bố và chỉ bằng con số tỉ lệ 2,7% khiếm tốn trong tổng thu nhập của ngân sách trung ương, và rằng chức năng cơ bản của régie là làm giàu cho những nhà sản xuất và nhà phân phối trong khi làm mất quyền lợi của nhà nước, Berrué kết thúc bản báo cáo của mình một cách sơ sài. Có lẽ ông ta cảm thấy rằng những con số của mình đã có tiếng nói đủ thuyết phục. Đặc mệnh Toàn quyền Sarraut, người chịu trách nhiệm đọc và phê bản báo cáo, đã không bình luận gì về những con số của Berrué. Có lẽ ông ta e rằng bất cứ câu trả lời nào cũng chỉ gây ra nhiều sự chú ý hơn đến tính bất công của hệ thống. Hay là có lẽ ông ta biết rằng chẳng thể đưa ra lời phê bình nào khả dĩ (25).

Trước khi nhận sứ mệnh vào năm 1930, Tổng thanh tra Le Conte ý thức rất rõ rằng những người tiên nhiệm các năm 1908, 1913, 1927 và 1930, tất cả đều ủng hộ việc chấm dứt độc quyền mà không rõ nguyên do. Không có gì để nghi ngờ rằng điều này đã góp phần tạo ra những lời châm biếm chẳng mấy được kiềm chế trong

các bản báo cáo của ông này về régie ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ. Trong những câu mở đầu, viên thanh tra viết: "Một sự kì lạ cần được lưu ý là từ "độc quyền" không hề được tìm thấy trong bất cứ đạo luật nào có nhắc đến, kể cả mới hay cũ. Và mặc dầu vậy, vẫn tồn tại một cách nghiêm nhiên một cơ chế độc quyền thật sự vốn đã được lên kế hoạch ngay từ đầu". Tô ý áy này về tính sơ sài của những số liệu buộc phải sử dụng trong bản báo cáo, ông viết với đôi chút châm biếm: "Tuy vậy, những khoản thu thực tế có thể được cơ quan (phòng Thuế đoan) tính chính xác nếu như có được một chút nhẫn nại". Dựa vào những phân tích của mình trên số liệu năm 1928, Le Conte tìm ra tổng doanh thu từ rượu và các nguồn liên quan như các khoản tiền nộp phạt là 11.940000\$ (26). Trong cùng khoảng thời gian này, giá chi phí mua rượu là 7.892000\$ và các chi phí liên quan đến đóng chai là thêm 64.000\$ (27). Với doanh số bán rượu ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ mang lại 0,07% tổng doanh thu cho Phòng thuế đoan, Le Conte tính tỷ lệ nhân sự của Bộ và các nguồn đầu tư vào Régie rượu là 365.000\$ trên số ngân sách trung ương là 5.200000\$ (28). Cuối cùng, ông ta cộng vào tổng chi phí tu sửa và trả góp cho các văn phòng trụ sở và thu được kết quả tổng cộng sau cùng là 55.000\$. Với mức chi tiêu thực tế bây giờ là 8.375000\$, doanh thu thực từ cơ chế độc quyền ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ chỉ còn 3.565000\$, hay là 4% thu nhập của ngân sách trung ương. Ông ta kết luận, "Về mặt tài chính, cơ chế độc quyền đã tự phơi bày thực chất của nó là ít có lợi hơn những cơ chế khác. Nó ngăn cản sự khai thác triệt để tiềm năng của thuế tiêu dùng. Về mặt chính trị, nó là một tiềm năng nguy hại gây ra sự bất mãn trong dân chúng. Trên bình diện đạo đức,

một nhà nước không thể thực thi việc khuyến khích bán rượu. Về phần cá nhân tôi, vì những lý do đó, tôi ủng hộ việc kim hãm cơ chế độc quyền này”.

Thật ra, chi phí thực cao hơn những con số hai viên thanh tra này tính. Khi không có một quyết định lựa chọn rõ ràng, cả hai người đều tính sai do sự thiên vị dành cho nhà nước. Trong kết luận của mình, Le Conte viết: “Vì thế, người ta có thể nói rằng con số 3.500.000\$ đó chắc chắn là tối đa mức thu nhập thực của Régie, nhưng con số thực thi có lẽ còn thấp hơn một chút”. Cả hai đều đã tính thiếu chi phí nhân công thực tế phát sinh trong nội bộ Bộ trong suốt quá trình thực thi độc quyền. Trong khi một bản báo cáo năm 1920 phát hiện ra rằng các quan chức cầm quyền và nhân viên tại Hải Phòng đã dành hơn quá nửa thời gian của họ vào những vấn đề xung quanh cơ chế độc quyền, Berrué chỉ đưa ra con số 12% và Le Conte dùng con số 7% để nói về tổng phân ngân quỹ của bộ dành cho Cơ chế độc quyền (29). Đồng thời, chẳng ai trong hai ông này cố ước tính mức chi phí được tăng lên phát sinh trong bộ máy chính quyền dân sự, cảnh sát, tòa án và trại giam trong khi họ thi hành vai trò việc áp chế cơ chế không mấy được ưa thích này. Cuối cùng, bằng việc ngăn cấm một ngành công nghiệp vốn là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế bản xứ và giao đặc quyền bóc lột cho một số ít các nhà công nghiệp Pháp, cơ chế độc quyền gần như có thể khẳng định là nguyên nhân gây ra sự chậm tăng trưởng nói chung của nền kinh tế thuộc địa. Chế độ rượu có thể đã tượng trưng cho mất mát tài chính của thuộc địa trên thực tiễn (30).

Đoàn Thanh tra năm 1920 đã kết luận: “Cần nhất là cơ chế hiện thời ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, ngay sau khi chấm dứt được

những sự can thiệp làm cản trở, phải được thay thế bằng một cơ quan sẽ cho phép Nhà nước thu thuế ở những tỉ suất mà nó quy định và quan trọng hơn cả là cho phép Nhà nước giữ lại lợi nhuận mà hiện thời đang được tự nguyện nhường cho nhà công nghiệp, nhóm người có những can thiệp vô dụng trên thực tế chỉ có tác dụng sinh ra kỳ thị cho nền tài chính quốc gia” (31). Những bức tranh do Doumer và những người kế nhiệm vẽ ra thuế rượu như là một trong ba “thân trâu ngựa” tối quan trọng cho việc duy trì thuộc địa là hoàn toàn giả dối.

Nếu như chế độ rượu không giúp mang lại doanh thu đáng kể, chúng ta cần phải đặt câu hỏi: vậy thì thật ra nó giúp đạt được điều gì? Ngay từ trước năm 1903, các mục đích cải cách của Doumer đã bị một số người nhận rõ. Theo Eugene Jung, bất chấp những diễn thuyết hoa mỹ về cải cách và phát triển, các chính sách của Doumer chỉ là một phần của tấn trò chính trị đang diễn ra ở nước Pháp. Những người được lợi chính từ những cải cách của Doumer là những người nắm giữ vốn ở Paris và những nhà thầu khoán nhận được các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng (32). Đến trước năm 1910, Đoàn Thanh tra thuộc địa đã đi đến những kết luận tương tự. Xem xét tình hình tài chính tổng quát của thuộc địa, Tổng Thanh tra Guyho khám phá ra rằng theo như số liệu ngày 1-1-1910, Tổng nợ của thuộc địa đã đạt mức 473.789.205,50 fr (33). Thậm chí với 15 triệu fr - tức 18% ngân sách hàng năm - được dành riêng cho việc trả nợ thường niên, thuộc địa phải mất đến 74 năm nữa mới giải quyết xong tất cả các khoản nợ (34).

Với âm mưu đẩy gánh nặng của con số nợ khổng lồ lên “vai” thuộc địa của Doumer, ý nghĩa của cơ chế độc quyền không nằm trong số doanh thu thuần của

nhà nước mà nằm trong doanh số nó sản sinh ra. Để thu hút vốn từ mẫu quốc, Doumer cần một ngân sách trung ương có con số tổng thu nhập cao để tạo ấn tượng tốt đẹp về khả năng hoàn vốn của nhà nước. Phần lớn doanh thu sinh ra từ cơ chế độc quyền thực ra chỉ để quay ngược lại phục vụ cho việc điều hành và vận hành chính cơ chế này; điều đó không quan trọng. Lấy ví dụ như khám phá của Berrué rằng doanh thu thực tế của của cơ chế độc quyền rượu thật ra chỉ bằng 28% con số được công bố (35). Áp dụng nó vào con số tổng cộng của các cơ chế độc quyền năm 1912, chúng ta biết được rằng doanh thu thực tế có vẻ xấp xỉ gần bằng 5,5 triệu thay vì 19,9 triệu như được công bố. Vì vậy, tổng doanh thu thực tế trong năm sẽ là 17943659 thay vì 37872579. Bởi điểm này, thuộc địa mang lại hàng năm hơn 15 triệu fr, tức 6 triệu đôla Mỹ. Từ đó, lấy năm 1912 làm ví dụ, các cơ chế độc quyền đóng vai trò chủ chốt trong việc giảm tỷ trọng của phần dành trả nợ của nhà nước từ 33% doanh thu xuống một tỷ trọng an toàn hơn - 16% doanh thu. Một trong hai con số này chấp nhận được đối với thị trường tiền tệ Paris, con số kia thì không.

Các nhà chức trách kế nhiệm sẽ nhận ra họ bị mắc bẫy bởi thủ thuật này của Doumer. Toàn quyền Koblukowski, được Công sứ toàn quyền giao cho nhiệm vụ chấm dứt hệ thống các cơ chế độc quyền vào năm 1909, công khai tuyên bố rằng mục tiêu của ông ta là tránh gây lo ngại cho các chủ nợ của thuộc địa, và việc giải nợ chỉ để minh chứng cho ý kiến có sức thuyết phục là cơ chế độc quyền nên được phục hồi hầu như y nguyên vào năm 1913 và 1923 (36). Do đó, việc tăng các mục thuế đã có, thuế thân chẳng hạn, lên một tỷ suất khác nhằm đắp vào phần doanh thu của régie

rượu là không thích đáng. Doumer cam kết bằng régie rượu sẽ thu hút và duy trì phần cấp vốn từ mẫu quốc.

Tuy nhiên, nếu ngân sách trung ương quả thực là một trò bịp bợm vĩ đại thì chúng ta phải đặt câu hỏi bằng cách nào Doumer có thể thành công trong trò chơi đó. *Thứ nhất*, ông ta bày trò với dân chúng Pháp, vốn luôn hớn hờ tin vào những chuyện bịa đặt rằng các thuộc địa là những kho báu chưa được khai thác và là nguồn vè vang cho nước Pháp vĩ đại. *Thứ hai*, Doumer vốn là một kẻ có tài đánh bóng hình ảnh bản thân với tiếng tăm là một Bộ trưởng Tài chính có năng lực, người đã nhìn thấy được rằng tương lai chính trị của Đông Dương là một trò cá cược. *Thứ ba*, những tổ chức có quyền thế ở mẫu quốc đã quyết định tính chất của trò chơi mà Doumer phải tham gia trước khi đặt bước chân đầu tiên ra khỏi Paris. Trong suốt nhiệm kỳ làm Toàn quyền, “bất chấp những bất đồng với Bộ trưởng các thuộc địa Delcasé, Doumer vẫn là một nhân vật bất khả xâm phạm được che chắn bởi một mạng lưới các chính trị gia, thường thì từng là thù địch của Doumer trước kia” (37).

Mang tính quyết định cho thành công của Doumer là sự hỗ trợ của Ngân hàng Đông Dương - trung gian cho tất cả mọi giao dịch giữa mẫu quốc và thuộc địa, và cũng là một trong những tổ chức hưởng lợi chính từ các dự án của Doumer (38). Mối quan hệ này đã bắt đầu từ trước chuyến đến Đông Dương của Doumer: trước khi lên tàu ở Marseille vào ngày 17-1-1897, Doumer đã sắp xếp thời gian để gặp gỡ trao đổi với các giám đốc Ngân hàng (39). Tương tự, sự hợp tác của Doumer với các tổ chức hưởng lợi chính từ các dự án cơ sở hạ tầng của ông ta cũng đã bắt đầu từ trước khi Doumer nhậm chức Toàn quyền. Ngay từ

giai đoạn đầu trong con đường sự nghiệp nghị trường của mình, Doumer đã liên hệ với các tổ chức công nghiệp như Liên đoàn Công nghiệp luyện kim và khai thác mỏ, Tập đoàn kinh tế Indo-Suez và Tổng công ty Điện lực (40). Những mối liên hệ với Hội các công ty sắt thép (Comité des forges), một tổ chức chuyên làm công tác vận động hành lang cho nền công nghiệp nặng của nước Pháp có thể giúp lý giải bằng cách nào ngay trước khi khởi hành sang Đông Dương, một người từng là giáo viên và từng là một nghị sĩ với mức lương quèn lại trở nên giàu có nhờ vào những mối đầu tư đúng lúc vào các xí nghiệp sắt thép của Nga. Theo ý kiến của một học giả, "sự bổ nhiệm Doumer làm Toàn quyền, nếu không phải được trực tiếp được Hiệp hội các lò rèn đề cử thì phải có sự hậu thuẫn nào đó" (41). Trong cuộc chơi này, Doumer không phải chỉ có một mình. Cơ cấu của ngân sách trung ương và nền tảng của nó là các nguồn doanh thu thuế được quyết định không phải chỉ dựa trên tình hình thực tiễn ở Đông Dương mà đúng hơn xuất phát từ nhu cầu vốn và công nghiệp của bản thân nước Pháp.

Ngày nay, Doumer được nhớ đến như là một nhà cải cách tài ba, người nắm trong tay ngân sách trung ương giúp mang lại sự độc lập cho thuộc địa và tạo cơ sở cho những công trình nhà nước lớn nhằm chuyển đổi nền kinh tế Đông Dương. Giải pháp cho ngân sách trung ương là ba mặt hàng độc quyền - á phiện, rượu và muối - những nguồn sinh thu nhập cho hệ thống tài chính mới. Mặc dù giữa ý tưởng và thực tế cải cách còn chưa nhất quán, Doumer dù sao cũng đã tạo dựng nền tảng cho chính quyền Đông Dương, một chính quyền về căn bản được duy trì không thay đổi mãi cho đến năm 1944. Tuy vậy, ngay từ năm 1908, các Đoàn Thanh tra hoạt động

lập đã phát hiện ra rằng doanh thu thực tế của régie rượu chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ so với con số được nhà cầm quyền công bố. Ví dụ như vụ điều tra cơ chế ở Bắc Kỳ, doanh thu thực từ cơ chế độc quyền rượu trong năm 1912 chiếm chưa đến 1/3 con số được công bố, nói cách khác chưa bằng 3% của ngân sách trung ương. Cho dù có thể có ích lợi về một mặt khác, độc quyền rượu ở Đông Dương chưa bao giờ là một phương tiện hiệu quả. Để sản sinh doanh thu thuế. Những gì mà cơ chế đạt được là tạo ra những số liệu tổng doanh thu lớn và đồng thời che đậy chi phí hoạt động thực tế trong ngân sách các cơ quan ban ngành khác nhau, đáng chú ý nhất là phòng thu hải quan doanh thu thuế được thổi phồng lên mang tính chất quyết định để tạo ra ấn tượng về khả năng thanh hoàn nợ của ngân sách trung ương và làm cho nghĩa vụ nợ của thuộc địa có vẻ bền vững lâu dài. Điều này cho phép Doumer huy động vốn vay cần thiết tiến hành các công trình nhà nước. Chức năng sản sinh doanh thu của các cơ chế độc quyền thật ra chỉ mang tính thứ sinh; mục tiêu căn bản của chúng thực chất là sản sinh nợ. Vì vậy, các régie hoạt động phục vụ cho lợi ích của nền công nghiệp và tài chính của nước-Pháp nhiều hơn là cho bộ máy chính quyền. Chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra khuynh hướng hoạt động của bộ máy hành chính Đông Dương phục vụ cho các doanh nghiệp tư nhân Pháp khi tìm hiểu mối quan hệ của nhà nước và nhà cung cấp rượu cho régie-SFDIC, và giám đốc, A.R. Fontaine. Khi điều tra về sự kháng cự mạnh mẽ régie gây ra, chúng ta cũng hiểu rõ được bộ máy chính quyền đã sẵn lòng đặt quyền lợi của các doanh nghiệp tư nhân lên trên sự tồn tại về lâu dài của chính nó như thế nào.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

(1). Tôi rất biết ơn Thầy Đinh Xuân Lâm và Thầy Phạm Hồng Tung đã đọc những tác phẩm của tôi, và Chị Mai Huyền Chi đã dịch bài viết này.

(2). Charles de Gaulle, *Mémoires d'espoir; Le Renouveau (1958-1962)* (tập 1). Paris: Plon, livres de poche, 1970. pp.49-51. Đoạn mở đầu chương 2.

(3). Xin lưu ý CLTQG1 là Cục Lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội) và CAOM là Centre d'Archives d'Outre-Mer (Aix-en-Provence). Tôi cảm ơn các cán bộ của hai cơ quan đó, đặc biệt là Madame Sylvie Vachier ở Aix và Chị Hoàng Thị Hằng ở Hà Nội.

(4), (5), (6), (7). Doumer, 132, 166, 135, 157.

(8). CAOM FM/indo/nf/460 "Recettes des trois Régies" 1908.

(9). Albert Métin, *L'Indochine et l'opinion*. Paris: Dunod & Pinat, 1916. CAOM bib/som/b//1017. Métin là một nghị sĩ, cựu Bộ trưởng Bộ Lao động và An ninh xã hội và là rapporteur của một vài dự án liên quan đến ngân sách và vốn vay Đông Dương.

(10). Albert Métin, Sdd, 1916.

(11). Ông ta đã thừa nhận điều này nhằm hậu thuẫn cho những lý lẽ của mình để nâng giá mua rượu lên 4 centimes mỗi chai. Hà Nội, tháng 2-1924, Kircher Tổng trưởng ban phòng thuế gửi đến Toàn quyền Đông Dương. CAOM indo/ggi/45262 Douane và Régies: alcohol, correspondences diverses, 1923-1936. Có thể có người biện luận rằng độc quyền rượu chưa bao giờ hoạt động theo pháp luật mà thực ra là bất hợp pháp.

(12). Girault, A.1927. *Principes de colonisation et de législation coloniale*. Paris: Recueil Sirey. Ménier, J. 1988. *Les inspections générales. L'administration nouvelle*. Paris: Berger - Levrault. Milloz, P. 1983. *Les inspections générales ministerielles dans l'administration française*. Paris: Economica. Garner, R. 1974. "The French in Indochina: Some Impressions of the Colonial Inspectors, 1867-1913." South-East Asia Spring 1974, pp. 831-42.

(13). CAOM Fm/indo/nf/464 27 February 1913 "Rapport fait par M. Berrué concernant la vérification du service des Régies de l'alcool et du

sel" M Phérvong Inspecteur Général des Colonies Chef de mission. CAOM fm/indo/nf/2481, *Rapport sur la Régie des alcools en Indochine par L'Inspecteur Général des colonies A.Le Conte*, Chef de Mission, 24 tháng Sáu, 1930

(14). CAOM fm/sg/indo/af/143 "Mission d'inspection Espeut" 1892-1894.

(15). Société française des distilleries de l'Indochine và Société des distilleries de Tonkin. Sau năm 1912 cả hai công ty thuộc A.R.Fontaine.

(16). CAOM fm/sg/indo/à/146 "Mission d'inspecteur Rivet-Adam" 1898 Rapport fait par M.Salles concernant les régies du sel et de l'alcool dans le Thua Thien

(17). CAOM/fm/sg/indo/af/147 "Mission Picquie" 1899-1900.

(18). CAOM/fm/indo/nf/4664 "Alcools, Rapports d'inspection (s.d). 22 May 1902, Report of Arnaud, Thanh tra các thuộc địa.

(19). CAOM fm/indo/nf/880 Mission d'inspection de l'inspecteur général des colonies Maurice Méray. Au sujet du fonctionnement du service général des Douanes et Régies." 1908

(20). UCI - Union Commercial de l'Indochine, một công ty được lập ra bởi A.R.Fontaine năm 1902.

(21). Vào năm 1908, sản xuất ở Nam Kỳ được chia 69% cho SFDIC, 22% cho 14 hãng chưng cất rượu nội địa và 9% cho Mazet. Doanh số trung bình hàng tháng ở Nam Kỳ năm 1904 là 357.243 lít, năm 1905 là 124.304 lít, năm 1906 là 248.749 lít, và năm 1907 là 241.863 lít. Hà Nội ngày 29 tháng 4 năm 1908, Méray gửi Bộ. Số 48 "Régime des alcools en Indo-Chine" CAOM fm/indo/nf/880 Mission d'inspection de l'inspecteur général des colonies Maurice Méray. Au sujet du fonctionnement du service général des Douanes et Régies" 1908.

(22). Giá mua vào là 4.230.103\$; trừ chi phí hoàn lại các container chuyển giao là 461.560\$; cộng với chi phí vận chuyển 226.427\$, chi phí đóng chai và những chi phí khác 297.933\$, chi phí cho những chai bị vỡ hay thất lạc 20.000\$; số trả góp

cho nợ phát sinh trong giải quyết tranh chấp với tổng công ty là 240.000\$.

(23). Tổng chi phí năm 1911-1912 [8.046.163] chia cho tổng thu nhập từ mọi nguồn năm 1911-1912 [67.236.541] bằng 0,12. Nếu ta nhân với tổng doanh thu từ rượu cho hai năm 1911-1912 là 7.970.099, ta có được chi phí ước tính là 956.400\$.

(24). Trừ đi tổng chi phí là 5.890.943\$ cho hai năm này khỏi tổng thu nhập là 7.470.099\$ có được doanh thu thực là 2.079.156\$. Berruê đã "hào hiệp" làm tròn con số để đạt được mức doanh thu thuần hàng năm là 1.100.000\$

(25). Tuy nhiên, ông ta đã tự vệ trước sự phê bình chỉ trích gay gắt của Phérivong về thỏa thuận mà ông ta đã có với Debeaux.

(26). Theo sổ sách kế toán năm 1928, thu nhập cho Bắc Kỳ, Bắc Trung Kỳ là 11.913.000\$, cộng thêm 18.000\$ các khoản tiền bồi thường, 6.500\$ các khoản phụ thu, và 4.000\$ tiền thuê văn phòng, tổng cộng là 11.940.000\$

(27). Các chi phí của Régie = 7.892.000\$, cộng chi phí cho nhân công đóng chai người Âu = 33.000\$, cộng nhân công đóng chai nội địa = 9.000\$, cộng lãi suất của phần vốn giữ lại trong số "ngân quỹ dành cho đóng chai" = 22.000 (tổng cộng 64.000\$).

(28). Trong khi SFDIC sản xuất phần lớn số rượu ở mọi khu vực thuộc Đông Dương, chi phí thực thi độc quyền thấp hơn ở Trung Kỳ và Nam Kỳ, nơi mà vị trí áp đảo của SFDIC bị lung lay do sự xuất hiện liên tục của một số ít các nhà sản xuất tư nhân. Le Conte ước tính rằng tỉ lệ thật của ngân quỹ bộ dành cho régie ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ ít nhất là 31%, tức là hơn 800.000\$.

(29). Bản báo cáo ngày 14 tháng 5 năm 1927 của thanh tra các Thuộc địa Gayet đã trích dẫn trong Bản báo cáo về Régie rượu ở Đông Dương của Tổng Thanh tra các Thuộc địa A.Le Conte, Trưởng đoàn công sứ, ngày 24 tháng 6 năm 1930. CAOM/fm/indo/nf/2481.

(30). Không có ai cố gắng phân tích khả năng sinh lợi của hai mặt hàng régie kia. Tuy nhiên, từ

những tài liệu tham khảo trong các chứng từ liên quan, dường như doanh thu thuần của hai mặt hàng kia cũng bị phóng đại tương tự. Á phiện, régie sinh lợi nhất, có thể đã mang lại doanh thu thực. Muối, mặt hàng ít lãi nhất, gần như chắc chắn đã sinh lỗ.

(31). Trích trong Bản báo cáo về Régie rượu ở Đông Dương của Tổng Thanh tra các thuộc địa A.Le Conte, Trưởng đoàn công sứ, ngày 24 tháng 6 năm 1930. CAOM/fm/indo/nf/2481.

(32). Eugène Jung, *Histoire d'un colon*. Paris: Juven, 1903, p. 103. Theo Jung, đến cuối năm 1900, Doumer không còn "được chào mừng trên đường phố" (p. 131). Jung là một kẻ thực dân và đôi khi viết báo, người đã mất nhiều tài sản vào nỗ lực khai thác một nhượng địa ở tỉnh Hòa Bình.

(33). Trong cùng thời kỳ này, Fourniau tính tổng nợ của thuộc địa là 499 triệu franc, Fourniau, *Vietnam: domination coloniale*, tr. 738.

(34). CAOM fm/indo/nf/926 Báo cáo của Tổng Thanh tra các thuộc địa Guyho. Báo cáo số 125, Hà Nội, ngày 1 tháng 5 năm 1910, Guyho nắm Bộ thuộc địa. Cùng với 13.650.000fr trả hàng năm cho Paris để duy trì sự có mặt của quân đội, điều này có nghĩa là thậm chí với tính toán của chính cơ quan nhà nước, 34% trong tổng doanh thu thuế của ngân sách trung ương sẽ trực tiếp vào túi mấu quốc.

(35). 19.928.920\$ nhân với 28% cho ra 5.580.097\$. Phép tính này cần được xem như một phép ước tính chỉ mang mục đích minh họa. Tất cả số liệu doanh thu từ phần phụ lục. Ngân sách trung ương 1899-1927.

(36), (37). Fourniau, *Vietnam: domination coloniale*. tr. 738, 560.

(38). Chẳng hạn, trong khoảng thời gian 18 tháng bắt đầu từ 1-1-1907, doanh thu của ngân hàng tính riêng từ các mức chênh lệch hối đoái của các giao dịch nhà nước là 4.246.418 fr. Năm 1908, Toàn quyền Koblukowski đề xuất hợp nhất tiền tệ. Không lạ là đề xuất này bị ngân hàng phản đối quyết liệt. Fourniau, *Vietnam: domination coloniale*, tr. 739.

(Xem tiếp trang 9)

Truyền thống chỉ có một, là *khách thể*. Còn con người tiếp thu kế thừa truyền thống là *chủ thể* phải biết cách sử dụng, chọn lọc.

Có một số nhà xã hội học thường đối lập truyền thống với hiện đại, cho rằng truyền thống cũ cản trở quá trình hiện đại đất nước. Cách phân tích của họ là chỉ nhìn thấy mâu thuẫn, cách giải quyết của họ là gạt bỏ thủ tiêu một mặt của mâu thuẫn (tức truyền thống). Giải quyết như vậy đã đưa đến nhiều sai lầm, trả giá khá đắt, thiệt hại cho đất nước và dân tộc. Chúng tôi cho rằng, không nên đối lập truyền thống dân tộc với hiện đại hóa, mà hiện đại hóa phải kế thừa truyền thống.

Chúng tôi gọi là sự chỉnh hợp có chọn lọc.

Ngày nay, nhiều thiết chế làng xã Việt Nam đang có *hiện tượng phục hồi*. Dòng họ, thôn xóm, kể cả hương ước và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, lễ hội... đang phục hồi bộ phận. Gạt bỏ chăng? Không được, bởi đó là yêu cầu

khách quan của con người tiểu nông, của xã hội tiểu nông người Việt, một yếu tố văn hóa dân tộc truyền thống. Cách xử lý, theo chúng tôi là chỉnh hợp có chọn lọc.

Ở Việt Nam, đặc biệt là ở đồng bằng Bắc Bộ không có tình trạng trên. Làng Việt Nam không hoàn toàn chỉ là một cơ sở cư trú đơn thuần của gia đình tiểu nông mà chính bản thân nó còn là một tổ chức sản xuất, một tổ chức quân sự, một tổ chức xã hội. Cộng đồng làng xã là một sự hợp thành một hệ thống có gia đình cá thể, có họ hàng, có phường hội, có xóm giáp và những mối liên kết vật chất và tinh thần như tộc ước, phường lệ, hương ước và tín ngưỡng tôn giáo, hội hè, đình đám... Làng là tích hợp của những thành tố trên - ở đây hầu như con người không tồn tại với tư cách cá nhân độc lập, mà phải luôn luôn là thành viên trong một động đồng nhất định của họ, của phường, của hội, của làng...

SỰ THẬT VỀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC ĐÔNG DƯƠNG...

(Tiếp theo trang 47)

(39). Yasuo Gonjo. *Banque coloniale ou banque d'affaires; la Banque de l'Indochine sous la Troisième République*. Paris: Imprimerie nationale, 1993, tr. 329.

(40). Với mạng lưới đường sắt của Pháp phần lớn đã được hoàn tất, và với các dự án ở những thị trường châu Âu khác, đáng lưu ý nhất là Nga, gần như hoàn tất, đến trước những năm 1890, công nghiệp gang thép của Pháp đang đối mặt với vấn đề nghiêm trọng do vượt công suất. Michel Bruguière, "Le Chemin de fer du Yunnan: Paul Doumer et la politique d'intervention française en Chine (1889-1902)." *Revue d'histoire diplomatique*. Tháng 1 - tháng 3-1963, tr. 23-61, tháng 4 - tháng 6-1963, tr. 129-162. Tháng 7 - tháng 9-1963, tr. 252-278.

(41). Charles Fourniau, *Vietnam: domination coloniale*, p. 587. Trong khi không nhất thiết là nguyên nhân để Doumer quyết định nền tảng cho

kế hoạch ở Đông Dương là một dự án đường sắt quy mô lớn, những mối quan hệ này, với những cam kết tài trợ những khoản vay lớn từ thị trường tiền tệ Paris, có thể gợi ý cho nguyên nhân sâu xa vì sao lại có câu chuyện "án khế trả vàng"; khoảng mười năm sau năm 1905 Doumer trở về Pháp, người ta thấy ông này chiếm một chỗ trong nhóm những nhân vật giàu nhất nước Pháp. Fourniau tỏ vẻ ngạc nhiên với một sự châm biếm kém che đậy rằng bằng cách nào mà "con người nghèo khó này, một người trước đây từng đi làm công cho thiên hạ và cũng từng là một giáo viên toán ở trường trung học, trong vòng 25 năm lại có thể trở thành thương nhân giàu nhất nước Pháp mà chỉ theo đuổi sự nghiệp chính trị, hoàn toàn không dính líu vào một vụ tai tiếng nào." Charles Fourniau, *Le Contact colonial*, p. 244.